TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ – ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2019.
V/v:*" ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn."*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Nguyễn Đình Quý;
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "*ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn*".
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số:01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị T,** sinh năm1983;
Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Bị đơn: **Anh Hoàng Văn H,** sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2003. Anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th (nay là huyện T), tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận kết hôn hiện nay bị mất nhưng đã được UBND xã Th, huyện T xác nhận có đăng ký kết hôn năm 2003.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, anh H không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình, khu dân cư hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 23/3/2004 và cháu Hoàng Ngọc S, sinh ngày 04/12/2013. Hiện các cháu đang ở cùng anh H và ông bà nội, khi ly hôn do chị không có chỗ ở, công việc không ổn định nên chị tự nguyện để cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, do anh H vắng mặt không có yêu cầu nên chị không cấp dưỡng nuôi con. Khi nào anh H có yêu cầu, chị cấp dưỡng nuôi con sau.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Hoàng Văn H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên Tòa hôm nay anh H trình bày anh biết việc chị T xin ly hôn anh, anh và gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc thông báo hoãn…Nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết vì anh còn bận công việc:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thừa nhận trước khi kết hôn với chị T hai người có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th (nay là huyện T), tỉnh Phú Thọ vào năm 2003. Trong cuộc sống vợ chồng anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện các cháu đang ở cùng với anh và gia đình anh. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh cho hai cháu.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao các con chung cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí dân sự, chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Hoàng Văn H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho anh H, tuy nhiên, anh H cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của Chị Hoàng Thị T tại phiên tòa: Chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/4/2019. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Phú Thọ (nay là huyện T). Đây là hôn nhân tiến bộ, hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 12/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, thời gian vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình và khu dân cư hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được và chị tha thiết xin được ly hôn với anh H, còn anh H cũng xác định vợ chồng không thể trở về đoàn tụ được và anh cũng nhất trí ly hôn.

Xét thấy, T trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 23/3/2004 và cháu Hoàng Ngọc S, sinh ngày 04/12/2013. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T để cho anh H được trực tiếp nuôi hai con chung và chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung . Vì hiện nay chị chưa có công việc làm và nơi ở ổn định; Còn quan điểm của anh H khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Đối với yêu cầu này của chị T và anh H, Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của đại diện Chính quyền, Hội liên hiệp phụ nữ, Cán bộ dân số và kế hoạch hóa gia đình, Cán bộ Tư pháp tại địa phương, các ý kiến đều thống nhất đề nghị Tòa án giao các con chung của anh, chị cho anh H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Bên cạnh đó, hiện các cháu đang sống ổn định cùng anh H và gia đình, chị T chưa có nơi ở ổn định và không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại Bản tự khai ngày 05/3/2019 cháu Hồng có nguyện vọng được ở với anh H. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu cũng như nguyện vọng của chị T và anh H, cần giao cả hai con chung cho anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi chị T, anh H có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị T và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ này. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T và anh H là phù hợp với quy định của pháp luật. Khi chị T, anh H có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của vợ chồng thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác.

[5]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Xử Giao cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 23/3/2004 và cháu Hoàng Ngọc S, sinh ngày 04/12/2013 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khi chị T, anh H có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

3. Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi chị T, anh H có yêu cầu giải quyết về các quan hệ này. Anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số: AA/2018/0000896 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trong tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Hà Giang